

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu.

1. Tên dự toán: Hỗ trợ mô hình “Bảo tồn Làng nghề làm ngói thủ công truyền thống xóm Lũng Rì, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng gắn với phát triển du lịch trải nghiệm di sản văn hóa”.

2. Chủ đầu tư: Bảo tàng tỉnh Cao Bằng

3. Tên gói thầu: Hỗ trợ mô hình “Bảo tồn Làng nghề làm ngói thủ công truyền thống xóm Lũng Rì, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng gắn với phát triển du lịch trải nghiệm di sản văn hóa”.

4. Nguồn vốn: Nguồn ngân sách Nhà nước năm 2025, (Chương trình mục tiêu quốc gia “Dự án 6”)

5. Địa điểm cung cấp dịch vụ: tỉnh Cao Bằng

6. Thời gian thực hiện dịch vụ: 80 ngày

II. Mục tiêu công việc.

Nhà thầu sẽ thực hiện cung cấp dịch vụ: tổ chức khảo sát, thiết kế, lắp đặt biển chỉ dẫn du lịch; Tổ chức tập huấn về kỹ năng đón tiếp khách du lịch; tổ chức lớp bồi dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm nấu ăn và trình bày món ăn phù hợp với du lịch; Tổ chức lớp truyền dạy dân ca, dân vũ của người Nùng An xóm Lũng Rì; Tổ chức sản xuất phim tài liệu về quá trình xây dựng mô hình, phục vụ công tác bảo tồn và tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống các dân tộc: bao gồm Xây dựng kịch bản, quay phim, dựng phim, xử lý hậu kỳ...; Thiết kế chương trình tour trải nghiệm làng nghề truyền thống, kết nối, xây dựng bài thuyết minh; hỗ trợ cải tạo nhà sàn 03 hộ gia đình tạo không gian check in và trải nghiệm, hỗ trợ bóng điện chiếu sáng và trang trí đèn lồng trải nghiệm làm ngói âm dương; cải tạo cảnh quan dọc đường vào xóm Lũng Rì; Cung cấp trang phục dân tộc Nùng cho người Nùng AN; Thuê chuyên gia nghiên cứu và tư vấn setup các hộ làm dịch vụ lưu trú; Biên soạn, xuất bản ấn phẩm: Giới thiệu mô hình làng nghề làm ngói thủ công truyền thống xóm Lũng Rì, xã Hạnh Phúc; Chụp một bộ ảnh (Nét đẹp làng nghề truyền thống); Làm thủ tục thành lập ban quản lý hợp tác xã du lịch; Tổ chức famtrip mời các đơn vị lữ hành, chuyên gia khảo sát và kết nối tour du lịch làng nghề theo các tiêu chuẩn đã được phê duyệt.

III. Phạm vi công việc

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----|---|-------------|------------|
| I | KHẢO SÁT, THIẾT KẾ, LẮP ĐẶT BIỂN CHỈ DẪN DU LỊCH | | |

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Khối lượng |
|------------|---|-----------------|------------|
| 1 | Chuyên gia khảo sát, thiết kế bảng biển chỉ dẫn du lịch (03 chuyên gia x 03 ngày) | Chuyên gia/ngày | 9 |
| 2 | Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác (03 người x 02 đêm) | Người/đêm | 6 |
| 3 | Phụ cấp công tác phí cho cán bộ khảo sát (03 người x 03 ngày) | Người/ngày | 9 |
| 4 | Chi phí di chuyển trong khu vực Xóm Lũng Rì, xã Hạnh Phúc (01 xe 4 chỗ x 03 ngày gồm cả chi phí tài xế lái xe, xăng dầu và chi phí khác) | Xe/ngày | 3 |
| 5 | Biển chỉ dẫn du lịch, kích thước 2m x 1m2, khung sắt, mặt biển Alu, cột ống tròn thép | Chiếc | 5 |
| 6 | Công vận chuyên, thi công lắp đặt biển chỉ dẫn du lịch | Gói | 1 |
| II | TỔ CHỨC LỚP TẬP HUẤN KỸ NĂNG ĐÓN TIẾP PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH (70 HỌC VIÊN X 7 NGÀY) | | |
| 1 | Chi giảng viên | | |
| | Chi biên soạn chương trình tập huấn (08 tiết/ngày x 07 ngày) | Đồng/tiết | 56 |
| | Chi sửa chữa và biên tập tổng thể chương trình tập huấn (08 tiết/ngày x 7 ngày) | Đồng/tiết | 56 |
| | Thù lao giảng viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) (01 người x 14 buổi) | Đồng/người/buổi | 14 |
| | Thù lao trợ giảng (01 người x 14 buổi) | Đồng/người/buổi | 14 |
| | Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên và trợ giảng (02 người x 07 ngày) | Đồng/người/buổi | 14 |
| | Hỗ trợ thuê phòng nghỉ cho giảng viên và trợ giảng (bao gồm đêm hôm trước) (02 người x 07 đêm) | Đêm/người | 14 |
| | Phương tiện đi lại Hà Nội - Xóm Lũng Rì, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng và ngược lại xe 4 chỗ trọn gói (Giá đã bao gồm chi phí di chuyển từ Hà Nội đến xóm Lũng Rì, Hạnh Phúc khoảng 350km, chi phí tài xế lái xe, xăng dầu và các chi phí khác) | Chuyến | 2 |
| 2 | Tổ chức lớp học | | |
| | Maket: - Kích thước: 3m x 1,4m - Chất liệu: vải bạt | Cái | 1 |
| | Chi thuê hội trường, thiết bị phục vụ học tập (07 ngày) | Gói/ngày | 7 |
| | Chứng nhận cho học viên tham gia tập huấn A4 | Tờ | 70 |
| | Vở, bút ghi, túi đựng tài liệu cho học viên | Bộ | 70 |
| | Giấy A0 | Tờ | 40 |
| | Bút dầu thiên long hoặc tương đương | Hộp | 4 |
| 3 | Chi cho học viên | | |
| | Giải khát giữa giờ cho học viên, giảng viên (74 người x 7 ngày) | Người/ ngày | 518 |
| | Hỗ trợ tiền ăn cho học viên (70 người x 07 ngày) | Người/ ngày | 490 |
| III | THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH TOUR TRẢI NGHIỆM LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG, KẾT NỐI, XÂY DỰNG BÀI THUYẾT MINH | | |
| 1 | Khảo sát, thu thập số liệu (2 chuyên gia x 10 ngày) | Chuyên gia/ngày | 20 |
| | Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác (02 người x 09 đêm) | Đồng/đêm/người | 18 |

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----------|---|-----------------|------------|
| | Phụ cấp công tác phí cho cán bộ khảo sát (02 người x 10 ngày) | Người/ngày | 20 |
| | Chi phí di chuyển cho đoàn chuyên gia (xe ô tô 04 chỗ x 10 ngày) đi xóm Lũng Rì, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng (Giá đã bao gồm chi phí di chuyển từ thành phố Cao Bằng đến xóm Lũng Rì, Hạnh Phúc khoảng 47km và chi phí di chuyển khảo sát trong khu vực xóm, chi phí tài xế lái xe, xăng dầu và các chi phí khác) | xe/ngày | 10 |
| 2 | Thiết kế chương trình tour kết nối | Chuyên gia | 1 |
| 3 | Biên tập, xây dựng bài thuyết minh về Làng ngôi âm dương thủ công truyền thống | Chuyên gia | 1 |
| IV | LỚP BỒI DƯỠNG VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM NẤU ĂN VÀ TRÌNH BÀY MÓN ĂN PHÙ HỢP VỚI DU LỊCH (50 HỌC VIÊN) | | |
| 1 | Chi khảo sát, tìm hiểu đặc trưng ẩm thực và nguồn nguyên liệu thực phẩm địa phương (2 người x 5 ngày) | | |
| | Chuyên gia khảo sát (02 người x 05 ngày) | Chuyên gia/ngày | 10 |
| | Hỗ trợ tiền lưu trú (02 người x 05 ngày) | Người/ngày | 10 |
| | Chi phí di chuyển cho đoàn chuyên gia (xe ô tô 04 chỗ x 5 ngày) đi xóm Lũng Rì, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng (Giá đã bao gồm chi phí di chuyển từ thành phố Cao Bằng đến xóm Lũng Rì, Hạnh Phúc khoảng 47km và chi phí di chuyển khảo sát trong khu vực xóm, chi phí tài xế lái xe, xăng dầu và các chi phí khác) | Xe/ngày | 5 |
| 2 | Nước uống và pano lớp bồi dưỡng | | |
| | Giải khát giữa giờ cho học viên (50 người x 06 buổi) | Người | 300 |
| | In Pano khai giảng, bế giảng lớp bồi dưỡng (in bạt hiflex, kích thước: 5m x 4m = 20m ²) | Cái | 2 |
| 3 | In chứng nhận | | |
| | Thiết kế, in chứng chỉ (in offset, giấy ngoại, khổ A4) | Cái | 50 |
| 4 | Chi phí Thuê giảng viên, trợ giảng (03 ngày bồi dưỡng) | | |
| | Thù lao của 01 Giảng viên chuyên ngành Du lịch: 02 buổi (01 ngày) | Đồng/buổi/người | 2 |
| | Thù lao của Kỹ thuật viên an toàn thực phẩm trực tiếp giảng dạy: 02 buổi (01 ngày) | Đồng/buổi/người | 2 |
| | Thù lao của 01 đầu bếp hướng dẫn trình bày món ăn trực tiếp giảng dạy: 02 buổi (01 ngày) | Đồng/buổi/người | 2 |
| | Thù lao của 01 Trợ giảng: 03 ngày (6 buổi) | Đồng/ngày/người | 6 |
| | Thuê phương tiện đưa - đón Giảng viên, kỹ thuật viên pha chế, đầu bếp, trợ giảng (TP Hà Nội - xóm Lũng Rì, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng và ngược lại) Giá đã bao gồm chi phí di chuyển từ Hà Nội đến xóm Lũng Rì, Hạnh Phúc khoảng 300km và chi phí di chuyển trong khu vực xóm, chi phí tài xế lái xe, xăng dầu và các chi phí khác | Xe/ngày | 2 |
| | Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, kỹ thuật viên, bếp trưởng, trợ giảng (04 người x 03 đêm) | Đồng/đêm/người | 12 |

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Khối lượng |
|----------|--|-----------------|------------|
| | Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, kỹ thuật viên, bếp trưởng, trợ giảng (4 người x 04 ngày) | Đồng/ngày/người | 16 |
| 5 | Chi phí học thực hành kỹ năng nấu ăn, pha đồ uống và trình bày món ăn | | |
| | Thuê trang thiết bị, dụng cụ thực hành chế biến món ăn | Gói | 1 |
| | Hỗ trợ chi phí mua thực phẩm, gia vị, nguyên vật liệu chế biến, trình bày món ăn | Gói | 1 |
| 6 | Hỗ trợ học viên là đối tượng không hưởng lương ngân sách | | |
| | Hỗ trợ tiền ăn: 50 người x 3 ngày | Đồng/người/ngày | 150 |
| 7 | Chi phí đi thăm quan học tập vệ sinh an toàn thực phẩm và Chế biến món ăn thực tế tại Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng (2 ngày 1 đêm) | | |
| | Thuê 02 xe 29 chỗ x 02 ngày đưa giảng viên và học viên (Giá đã bao gồm chi phí di chuyển từ Xóm Lũng Rì, Hạnh Phúc đến xã Trùng Khánh, xã Đàm Thủy,... tỉnh Cao Bằng khoảng 50km và chi phí di chuyển thăm quan học tập trong khu vực các xã, chi phí tài xế lái xe, xăng dầu và các chi phí khác) | Đồng/xe/ngày | 4 |
| | Giải khát giữa giờ phục vụ học tập thực tế (50 người x 02 ngày) | Đồng/người/ngày | 100 |
| | Chi thuê phòng ngủ cho học viên (50 người x 01 đêm) | Đồng/người/đêm | 50 |
| | Chi phí ăn cho học viên (50 người x 02 ngày) | Đồng/người/ngày | 100 |
| | Chi phí chuyên gia, giảng viên hướng dẫn (2 người x 2 ngày) | Đồng/người/ngày | 4 |
| V | LỚP TRUYỀN DẠY DÂN CA, DÂN VŨ CỦA NGƯỜI NÙNG AN XÓM LŨNG RÌ (30 HỌC VIÊN X 12 NGÀY) | | |
| 1 | Chi phí thuê biên đạo, nghệ nhân | | |
| | Biên đạo | Chương trình | 1 |
| | Bồi dưỡng nghệ nhân truyền dạy (02 người x 12 ngày) | Đồng/người/ngày | 24 |
| | Hỗ trợ tiền ăn cho biên đạo (01 người x 12 ngày) | Người/ngày | 12 |
| | Thuê phòng nghỉ cho biên đạo (01 người x 11 đêm) | Người/đêm | 11 |
| | Hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho biên đạo (Từ chỗ nghỉ đến địa điểm học và ngược lại 01 người x 12 ngày) | Người/ngày | 12 |
| 2 | Tổ chức lớp | | |
| | Maket khai mạc và tổng kết, báo cáo kết quả: - Kích thước: 3m x 1,4m - Chất liệu: vải bạt | Chiếc | 2 |
| 3 | Mua trang phục dân tộc Nùng | | |
| | Trang phục người Nùng An Nam (Vải nhuộm chàm truyền thống: áo và quần, giày, mũ đội đầu) | Bộ | 10 |
| | Trang phục Nữ Nùng An (Vải nhuộm chàm truyền thống: quần, áo, khăn vấn tóc, khăn đội đầu, giày, thắt lưng) | Bộ | 20 |
| 4 | Chi phí cho học viên | | |
| | Giải khát giữa giờ (30 người x 12 ngày) | Đồng/người/ngày | 360 |
| | Hỗ trợ tiền ăn cho học viên (30 người x 12 ngày) | Đồng/người/ngày | 360 |

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----------|---|-----------------|------------|
| | Chi hỗ trợ bồi dưỡng biểu diễn báo cáo (01 tổng duyệt + 01 báo cáo) 30 người 02 buổi) | Đồng/người/buổi | 30 |
| VI | | | |
| 1 | Nguyên vật liệu chính | | |
| | Ổ cứng HDD 7200rpm lắp ngoài có cắm điện, dung lượng 1Tb, chuẩn giao tiếp USB3.0 Kèm theo hệ thống quản lý thông minh; tự động tắt nguồn, hiển thị dung lượng trống; mã hóa 256 bit; tự động backup dữ liệu | Chiếc | 1 |
| 2 | Thuê các thiết bị phục vụ (ghi hình và ghi âm) | | |
| | Hệ thống máy quay: 01 bộ x 15 ngày - Máy quay ghi hình với độ phân giải tối thiểu UHD, cảm biến kích cỡ tối thiểu tương đương super35, chất lượng file tối thiểu 10 bit 4:2:2, có chế độ log đảm bảo lấy được dải sáng động lớn - Hệ thống ống kính cine sắc nét, ống kính zoom một khẩu độ - Hệ thống chân máy, monitor đạt tiêu chuẩn; | Bộ/ngày | 15 |
| | Thiết bị chống rung 3 trục tải trọng tối thiểu 5kg; | Bộ/ngày | 14 |
| | Flycam với độ phân giải tối thiểu UHD, chất lượng file tối thiểu 10 bit 4:2:2, có chế độ log đảm bảo lấy được dải sáng động lớn | Bộ/ngày | 3 |
| | Hệ thống ánh sáng: - 3 Đèn rọi quay phim bóng LED COB công suất 300w kèm softbox và lưới tổ ong - 3 Đèn cây LED chiếu ven - Bộ cò đen chắn sáng, cò chắn tản sáng, chân đèn, tay arm, củ cò, bao cát | Bộ/ngày | 13 |
| | Bộ thiết bị ghi âm lưu động: - Máy thu stereo tối thiểu 4 kênh XLR, có hỗ trợ nguồn phantom (Zoom H6) - Mic định hướng với dải tần tối thiểu từ 90Hz đến 20kHz - Bộ mic cài lapel không dây phục vụ phỏng vấn | Bộ/ngày | 14 |
| 3 | Chi phí vận chuyển | | |
| 3.1 | Giai đoạn nghiên cứu, khảo sát, chọn cảnh | | |
| | Xe ô tô 04 chỗ | Xe/ngày | 2 |
| 3.2 | Giai đoạn quay phim | | |
| | Xe ô tô 16 chỗ | Xe/ngày | 14 |
| 4 | Chi phí cho đoàn làm phim | | |
| | Giai đoạn chọn cảnh, khảo sát: 04 người x 02 ngày | Người/ ngày | 8 |
| | Giai đoạn khảo sát: 04 người x 01 đêm | Người/đêm | 4 |
| | Giai đoạn quay phim: 04 người x 14 ngày | Người/ ngày | 56 |
| | Giai đoạn quay phim: 04 người x 13 đêm | Người/đêm | 52 |
| 5 | Hậu kỳ: Dựng, thu thanh, hoà âm | | |
| 5.1 | - Hệ thống máy dựng hình và chỉnh màu, màn hình 4k, phần mềm hậu kỳ có bản quyền. '- Hệ thống phòng thu, hoà âm, phối nhạc. | Ngày | 5 |
| 5.2 | Nhạc có bản quyền cho phim | Gói | 1 |

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-------------|---|-------------|------------|
| | Cộng(1-5) | | |
| 6 | Chi phí nhuận bút | | |
| | Đạo diễn - Cử nhân chuyên ngành Điện ảnh hoặc Báo chí - Kinh nghiệm tối thiểu 10 năm; | Gói | 1 |
| | Quay phim - Cử nhân chuyên ngành Quay phim. - Kinh nghiệm tối thiểu 08 năm; | Gói | 1 |
| | Người dựng phim - Cử nhân chuyên ngành Điện ảnh, truyền hình - Kinh nghiệm tối thiểu 5 năm; | Gói | 1 |
| | Thiết kế âm thanh - Có bằng đại học về Công nghệ hoặc Điện ảnh hoặc Âm nhạc hoặc Kỹ thuật điện tử hoặc Tin học. - Kinh nghiệm tối thiểu 08 năm; | Gói | 1 |
| | Nhạc sĩ - Có bằng đại học Âm nhạc. - Kinh nghiệm tối thiểu 10 năm; | Gói | 1 |
| | Họa sĩ (Thiết kế mỹ thuật: phụ trách bối cảnh, đạo cụ, tư vấn trang phục, trang điểm diễn viên phục dựng, kết hợp quay phim tạo nên tông màu cảnh quay...) - Có bằng đại học Mỹ thuật. - Kinh nghiệm tối thiểu 6 năm; | Gói | 1 |
| 7 | Biên kịch: - Cử nhân chuyên ngành về điện ảnh, báo chí, hoặc văn học. - Kinh nghiệm tối thiểu 10 năm; | Gói | 1 |
| VII | HỖ TRỢ CẢI TẠO NHÀ SÀN 03 HỘ GIA ĐÌNH TẠO KHÔNG GIAN CHECK IN VÀ TRẢI NGHIỆM | | |
| | Thay ván sàn gỗ (3 hộ x 95m2/hộ) | m2/hộ | 285 |
| | Phí vận chuyển ván sàn | Gói | 1 |
| | Vá nứt, trát lại tường đất (03 hộ x 85m2/hộ) | m2/hộ | 255 |
| | Chi phí thiết kế, kỹ thuật giám sát | Chuyên gia | 2 |
| | Chi phí nhân công (55 công/1 hộ x 3 hộ) | Hộ/công | 165 |
| VIII | HỖ TRỢ 03 HỘ GIA ĐÌNH BÓNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG VÀ TRANG TRÍ ĐÈN LỒNG TRẢI NGHIỆM LÀM NGÓI ÂM DƯƠNG | | |
| | (20 bóng x 03 hộ) Bóng đèn Bóng đèn LED Bulb Trụ 50W Model: TR140N1/50W.H Công suất: 50W Điện áp: 220V/50Hz Quang thông: 5500/5500/4750 lm Nhiệt độ màu: 6500K/4000K/3000K Tuổi thọ: 20.000 giờ Kích thước (ØxH): (140x225) mm | 03 Hộ | 60 |
| | Đui đèn E27 chống thấm nước Rạng Đông IP65 có kèm dây điện 60 cm | 03 Hộ | 60 |

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Khối lượng |
|------------|---|-----------------|------------|
| | Đèn lồng mây tre thủ công (40 đèn x 03 hộ) | 03 Hộ | 120 |
| IX | LÀM THỦ TỤC THÀNH LẬP BAN QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ DU LỊCH | | |
| | Chi phí làm thủ tục thành lập Ban quản lý HTX | Gói | 1 |
| X | CẢI TẠO CẢNH QUAN ĐỘC ĐƯỜNG VÀO XÓM LŨNG RÌ | | |
| 1 | Nghiên cứu trồng cây xanh cải tạo cảnh quan thích hợp với điều kiện đất và khí hậu (dáng Hương/muồng hoàng yến/chuông vàng/kèn hồng/sò đo cam/ Hoa Ban, cây ăn quả...) đường kính 10-12 cm (bao gồm cả phân bón) | Cây | 300 |
| 2 | Phí vận chuyển, bốc xếp | Gói | 1 |
| 3 | Thuê họa sỹ vẽ tranh về cuộc sống làng ngói dọc đường vào xóm tại các bức tường đã bê tông hóa làm đẹp cảnh quan và lan toả thông điệp bảo vệ môi trường, bảo tồn làng nghề (trọng gói cả công, dụng cụ, màu,..) | Người/ngày | 10 |
| XI | THUÊ CHUYÊN GIA NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN SETUP CÁC HỘ LÀM DỊCH VỤ LƯU TRÚ | | |
| | Thù lao chuyên gia tư vấn (7 chuyên gia/tuần) | Chuyên gia/tuần | 7 |
| | Hỗ trợ thuê phòng ngủ cho chuyên gia (07 người x 04 đêm) | Người/đêm | 28 |
| | Hỗ trợ tiền lưu trú cho chuyên gia tư vấn (07 người x 05 ngày) | Người/ngày | 35 |
| | Phương tiện đi lại Hà Nội - Xóm Lũng Rì, huyện Quảng Hòa xe 7 chỗ trọn gói (Giá đã bao gồm chi phí di chuyển từ Hà Nội đến đến xóm Lũng Rì, Hạnh Phúc khoảng 350km, khi phí đi khảo sát khu vực xóm Lũng Rì, chi phí tài xế lái xe, xăng dầu và các chi phí khác) | Xe/ngày | 2 |
| XII | THÔNG TIN, TUYÊN TUYÊN RỘNG RÃI MÔ HÌNH | | |
| 1 | Biên soạn, xuất bản ấn phẩm: Giới thiệu mô hình làng nghề làm ngói thủ công truyền thống xóm Lũng Rì, xã Hạnh Phúc | | |
| | Nhuận bút (tỷ lệ % x giá thành sản xuất x số lượng in) | % | 8 |
| | Chi phí nhuận ảnh (hệ số 10) | Ảnh | 20 |
| | Chi phí in ấn | | |
| | Bìa in trên giấy Couche định lượng 300g/m ² , in 4 màu 2 mặt, cán mờ 1 mặt. Ruột in trên giấy c150, in 4 màu, 2 mặt. Khổ thành phẩm A4. Gia công đóng quyển, keo gáy, cắt xén; Thiết kế ấn phẩm, Chi phí vận chuyển, xin cấp phép) 40 trang cả bìa | Cuốn | 500 |
| 2 | Chụp một bộ ảnh (Nét đẹp làng nghề truyền thống) làm tư liệu truyền thông/triển lãm/trưng bày sau này | | |
| | Nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp (2 người x 5 ngày) | Người/ngày | 10 |
| | Hậu kỳ chỉnh sửa ảnh (tối thiểu 50 tấm chỉnh kỹ + toàn bộ chỉnh màu cơ bản) | Gói | 1 |

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-------------|--|-------------|------------|
| | Hỗ trợ tiền lưu trú (02 người x 05 ngày) | Người/ngày | 10 |
| | Hỗ trợ tiền thuê phòng ngủ (02 người x 04 đêm) | Người/ngày | 8 |
| | Chi phí di chuyển Hà Nội - Lũng Rì | Chuyến | 2 |
| | In ảnh triển lãm (chất liệu gỗ mica bo viền: Kích thước 1,2m x 0,8m; Chi phí vận chuyển ảnh từ Hà Nội về Cao Bằng) | Ảnh | 20 |
| XIII | TỔ CHỨC FAMTRIP MỜI CÁC ĐƠN VỊ LỮ HÀNH, CHUYÊN GIA KHẢO SÁT VÀ KẾT NỐI TOUR DU LỊCH LÀNG NGHỀ | | |
| 1 | Tổ chức famtrip | | |
| | Thuê xe 29 chỗ đón các đại diện các công ty du lịch, chuyên gia, nhà báo di chuyển từ Hà Nội 3 ngày 2 đêm | Xe/ngày | 3 |
| | Chi phí ăn cho đại biểu (26 người x 6 bữa) | Người/bữa | 156 |
| | Chi thuê phòng ngủ cho đại biểu (26 người x 2 đêm) | Người/đêm | 52 |
| | Giải khát giữa giờ cho đại biểu 26 người * 6 buổi | Người/buổi | 156 |
| | Bảo hiểm du lịch (26 người x 3 ngày) | Người/buổi | 78 |
| | Chuyên gia du lịch điều hành (1 người x 3 ngày) | Người/buổi | 3 |
| | Cán bộ tổ chức (1 người x 3 ngày) | Người/buổi | 3 |
| | Pano cầm tay đoàn famtrip | Người/buổi | 1 |
| | Chi phí tham quan kết nối một số làng nghề và điểm du lịch trong khu vực | Người/vé | 26 |
| | Trải nghiệm dịch vụ tại một số làng nghề và điểm du lịch trong khu vực | Người/lượt | 26 |
| | Thuê nghệ mặc trang phục truyền thống và đồ bảo hộ nghề nhân trình diễn và hướng dẫn làm ngói | Người/lượt | 20 |
| 2 | Tổ chức tọa đàm sau fam trip để góp ý về công tác bảo tồn, phát triển du lịch và liên kết phát triển tour du lịch trải nghiệm làng ngói âm dương Lũng Rì | | |
| | Thuê hội trường tại khu vực xã Quảng Uyên (trước đây là thị trấn Quảng Uyên) | Buổi | 1 |
| | Máy chiếu, màn chiếu | Buổi | 1 |
| | Giải khát giữa giờ cho đại biểu (45 người x 01 buổi) | Người | 45 |
| | Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (15 người x 01 buổi) | Người/buổi | 15 |
| | Chủ trì hội thảo (1 người x 1 buổi) | Người | 2 |
| | Thư ký hội thảo (1 người x 1 buổi) | Người | 1 |
| | Chuyên gia trình bày bằng powerpoint về 3 chủ đề (1. Hiện trạng, cơ hội và thách thức trong công tác bảo tồn làng nghề truyền thống ngói âm dương Lũng Rì; 2. Các giải pháp bảo tồn làng nghề truyền thống ngói âm dương Lũng Rì gắn với phát triển du lịch theo hướng bền vững; 3. Liên kết phát triển tour du lịch trải nghiệm làng nghề truyền thống) | Người | 3 |
| | Hỗ trợ chi phí thuê xe cho BQL thôn, HTX Du lịch Lũng Rì và hộ dân đi và về | Người | 15 |

IV. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

| STT | Nội dung công việc | Quy cách |
|----------|--|---|
| I | Nội dung chung | |
| 1 | <p>Sản xuất phim tài liệu về quá trình xây dựng mô hình, phục vụ công tác bảo tồn và tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống các dân tộc, thời lượng 40 phút/bộ phim:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kịch bản - Viết lời bình - Quay phim - Dựng phim - Hậu kỳ | <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm được quay với tiêu chuẩn 4K (có độ chi tiết và độ nét cao để xử lý hậu kỳ tốt hơn); sử dụng đồ họa và kết hợp sử dụng các tư liệu hình ảnh phù hợp với mô hình được phản ánh tại địa phương. - Tổ chức khảo sát thực địa để tìm kiếm góc quay, bố cục và xây dựng kịch bản - Các phỏng vấn điển hình được căn chuẩn, âm thanh rõ ràng, thuyết phục - Nội dung kịch bản đảm bảo tính khoa học, lịch sử và dân tộc học |
| 2 | <p>Tổ chức tập huấn về kỹ năng đón tiếp khách du lịch;</p> <p>Tổ chức lớp bồi dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm nấu ăn và trình bày món ăn phù hợp với du lịch;</p> <p>Tổ chức lớp truyền dạy dân ca, dân vũ của người Nùng An xóm Lũng Rì</p> | <p>Bổ trí đội ngũ giảng viên,, báo cáo viên, trợ giảng có chuyên môn phù hợp với nội dung tập huấn, có kinh nghiệm tham thực hiện các khóa tập huấn có nội dung, tính chất tương tự. Nghệ nhân, nghệ nhân giàu kinh nghiệm, có am hiểu sâu về văn hóa Nùng Ân</p> <p>Có tài liệu tập huấn đảm bảo chất lượng, bám sát thực tế địa phương</p> <p>Phương pháp đào tạo, tập huấn khoa học, thực tế, thu hút, dễ tiếp thu</p> <p>Bổ trí hội trường, tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ tập huấn, đảm bảo cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu của E-HSMT</p> <p>Cung cấp giải khát giữa giờ, ăn trưa cho học viên, giảng viên/báo cáo viên/Nghệ nhân...</p> |

| STT | Nội dung công việc | Quy cách |
|-----|--|--|
| | | <p>Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm trong khuôn khổ chương trình tập huấn.</p> <p>Cung cấp dịch vụ đi lại, ăn nghỉ cho giảng viên, trợ giảng</p> |
| 3 | <p>Biên soạn, xuất bản ấn phẩm: Giới thiệu mô hình làng nghề làm ngói thủ công truyền thống xóm Lũng Rì, xã Hạnh Phúc;</p> <p>Chụp một bộ ảnh (Nét đẹp làng nghề truyền thống);</p> | <p>Bìa in trên giấy Couche định lượng 300g/m², in 4 màu 2 mặt, cán mờ 1 mặt. Ruột in trên giấy c150, in 4 màu, 2 mặt. Khổ thành phẩm A4. Gia công đóng quyển, keo gáy, cắt xén; Thiết kế ấn phẩm; chi phí vận chuyển, xin cấp phép) 70 trang cả bìa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh tiêu biểu, phù hợp với nội dung truyền thông - Nội dung đảm bảo tính khoa học, lịch sử, dân tộc học - Nhà thầu phải cam kết và có trách nhiệm liên hệ để mua bản quyền hình ảnh sử dụng trong ấn phẩm (nếu có) |
| | <p>Tổ chức khảo sát, thiết kế, lắp đặt biển chỉ dẫn du lịch;</p> <p>Thiết kế chương trình tour trải nghiệm làng nghề truyền thống, kết nối, xây dựng bài thuyết minh;</p> <p>Hỗ trợ cải tạo nhà sàn 03 hộ gia đình tạo không gian check in và trải nghiệm, hỗ trợ bóng điện chiếu sáng và trang trí đèn lồng trải nghiệm làm ngói âm dương cho 03 hộ gia đình;</p> <p>Cải tạo cảnh quan dọc đường vào xóm Lũng Rì;</p> <p>Thuê chuyên gia nghiên cứu và tư</p> | <p>Cung cấp chuyên gia tư vấn du lịch có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hạng mục tư vấn</p> <p>Tổ chức khảo sát, nghiêm cứu và lựa chọn các Hộ gia đình tham gia làm dịch vụ lưu trú;</p> <p>Thực hiện thủ tục thành lập BQL HTX du lịch theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành;</p> |

| STT | Nội dung công việc | Quy cách |
|-----------|--|---|
| | vấn setup các hộ làm dịch vụ lưu trú; Làm thủ tục thành lập ban quản lý hợp tác xã du lịch; | |
| | Tổ chức famtrip mời các đơn vị lữ hành, chuyên gia khảo sát và kết nối tour du lịch làng nghề | Tổ chức Farmtrip Tổ chức tọa đàm sau fam trip để góp ý về công tác bảo tồn, phát triển du lịch và liên kết phát triển tour du lịch trải nghiệm làng ngôi âm dương Lũng Rì |
| II | Nội dung chi tiết từng video/clip | |
| 1 | Xây dựng nội dung kịch bản | Nhà thầu tiến hành xây dựng kịch bản và phối hợp với cố vấn chuyên môn và Bảo tàng tỉnh Cao Bằng để chỉnh sửa nội dung, hoàn thiện kịch bản bộ phim để đảm bảo nội dung của Kịch bản được xây dựng chi tiết, rõ ràng, đầy đủ, nêu bật ý nghĩa, mục tiêu cần đáp ứng của bộ phim. Nhà thầu phải tổ chức khảo sát thực địa để xây dựng kịch bản và góc quay, bố cục. |
| 2 | Quay thực địa | Tại các địa điểm đã khảo sát trên cơ sở góc quay, bố cục khớp với kịch bản hoàn thiện. |
| 3 | Giọng đọc thuyết minh | Giọng chuẩn, tròn vành rõ chữ và có sức truyền cảm. |
| 4 | Kỹ xảo đồ họa và xử lý hậu kỳ | Hiện đại, thuyết phục, dễ hiểu và quảng bá Chỉnh sửa theo yêu cầu |
| 5 | Bản quyền âm nhạc sử dụng làm nhạc phim và bản quyền hình ảnh | Nhà thầu phải cam kết và có trách nhiệm liên hệ để mua bản quyền các tác |

| STT | Nội dung công việc | Quy cách |
|-----|---|---|
| | sử dụng làm tư liệu trong phim và trong ấn phẩm giới thiệu về di sản văn hoá phi vật thể quốc gia | phẩm âm nhạc, các hình ảnh tư liệu sử dụng trong phim và trong ấn phẩm. |
| 6 | Nhân sự thực hiện | <p>Nhà thầu đề xuất nhân sự tham gia thực hiện gói thầu bao gồm tối thiểu các vị trí sau:</p> <p>01 Đạo diễn</p> <p>01 Quay Phim</p> <p>01 Biên kịch</p> <p>01 Nhiếp ảnh gia</p> <p>01 Kỹ thuật ánh sáng</p> <p>01 Cố vấn chuyên môn (nhà nghiên cứu lịch sử, văn hoá tại địa phương)</p> <p>01 Phụ trách sản xuất, in ấn</p> |
| 7 | Máy móc thiết bị | <p>Nhà thầu đề xuất kèm tài liệu chứng minh khả năng huy động thiết bị phục vụ gói thầu bao gồm nhưng không giới hạn các thiết bị sau::</p> <p>1.Flycam</p> <p>2. Máy quay</p> <p>3. Bàn dựng</p> <p>4. Máy in 2 màu/4 màu, khổ in tối thiểu A3</p> |

V. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương III, gồm các phần như sau:

Giải pháp và phương pháp luận;

Kế hoạch công tác;